TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2025
V/v: TrAh chấp ly hôn

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu

2. Bà Trương Thị Kim Chọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Kim Cường– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 824/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về "TrAh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khưu Thị T, sinh năm 1995; Căn cước công dân số: 091195000098 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/02/2022.

Địa chỉ thường trú: xã V, Thành phố Hồ Chí Minh (xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ);

Địa chỉ liên hệ: phường H, tỉnh An Giang (phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cũ) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trường A, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 079086008040 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 21/12/2021.

Địa chỉ: xã V, Thành phố Hồ Chí Minh (xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2024, các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Khưu Thị T trình bày như sau:

Bà Khưu Thị T và ông Nguyễn Trường A chung sống với nhau vào năm 2003 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 191/2014 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2014. Trong thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống về tình cảm và kinh tế. Bà T mâu thuẫn với gia đình chồng từ khoảng thời giA vợ chồng mới kết hôn, do vợ chồng sống chung với ba mẹ chồng nên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn. Bà T đã nhiều lần nói chuyện với ông A để vợ chồng ra ở riêng, tuy nhiên ông A không đồng ý và vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khoảng 02 năm nay bà T đã chuyển về quê cha mẹ ruột ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên GiAg, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn liên hệ gì về kinh tế và tình cảm.

Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông A để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là trẻ Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 28/01/2015 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 11/4/2017.

Các con chung hiện nay đang sống chung với ông A và gia đình nhà chồng tại xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh. Từ khi bà T bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột ở thì ông A và gia đình chồng cản trở không cho bà T về thăm con, thường xuyên hù dọa bà T khiến bà T không dám quay trở về nhà thăm con và đến nay không thể dẫn con đến Tòa để Tòa án ghi nhận nguyện vọng của bé muốn sống chung với ai. Nếu vợ chồng ly hôn bà T đồng ý giao 02 con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, vì để ổn định cho việc học tập của các con và môi trường sống của các bé. Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Khưu Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Trường A. Về con chung bà T đồng ý giao con cho ông A nuôi để các con ổn định học tập. Bà tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi trẻ 1.000.000 đồng/tháng, 2 trẻ là 2.000.000 đồng/tháng để hỗ trợ thêm chi phí sinh hoạt và học tập cho các con. Bà T bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 01/10/2025.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trường A đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm

chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Toà án đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Khưu Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trường A. Giao 02 con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 1.000.000 đồng/tháng. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quA hệ trAh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Khưu Thị T và ông Nguyễn Trường A chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông A, đây là vụ án "TrAh chấp ly hôn"; bị đơn cư trú tại xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh (xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh cũ) nên căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì trAh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Nguyễn Trường A không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trường A là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quA hệ hôn nhân:

Trong thời giA vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống về tình cảm và kinh tế. Bà T mâu thuẫn với gia đình chồng từ khoảng thời giA vợ chồng mới kết hôn, do vợ chồng sống chung với ba mẹ chồng nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn. Bà T đã nhiều lần nói chuyện với ông A để vợ chồng ra ở riêng, tuy nhiên ông A không đồng ý và vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khoảng 02 năm nay bà T đã chuyển về quê

cha mẹ ruột ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên GiAg, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn liên hệ gì về kinh tế và tình cảm. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông A để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Theo kết quả xác minh của Công A xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh (xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũ): *"Đương sự Nguyễn Trường A, sinh năm 1986 có đăng ký HKTT tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh…".* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mời các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, ông A không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…".*

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc bà T yêu cầu ly hôn với ông A là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Khưu Thị T.

b) Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là trẻ Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 28/01/2015 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 11/4/2017.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an xã V, Thành phố Hồ Chí Minh (xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ): *"Hiện tại thì bé Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 2015 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2017 đang sinh sống chung với Nguyễn Trường A tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh".*

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Tòa án đã yêu cầu bà Khưu Thị T dẫn theo 02 con chung đến Tòa án để ghi nhận nguyện vọng của con, tuy nhiên bà T trình bày các con chung hiện nay đAg sống chung với ông A và gia đình nhà chồng tại xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh. Từ khi bà T bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột ở thì ông A và gia đình chồng cản trở không cho bà T về thăm con, thường xuyên hù dọa bà T khiến bà T không dám quay trở về nhà thăm con và đến nay không thể dẫn con đến Tòa để Tòa án ghi nhận nguyện vọng của bé muốn sống chung với ai. Ngày 31/7/2025 Tòa án đã bA hành Thông báo số 768/TB-TAKV10 yêu cầu ông Nguyễn Trường A dẫn theo các con chung chưa thành niên đến Tòa án để ghi nhận nguyện vọng của trẻ về

việc muốn được sống chung với ai. Tuy nhiên ông A không dẫn trẻ đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Lời tình bày của nguyên đơn bà Khưu Thị T phù hợp với kết quả trả lời xác minh của Công A xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh về việc hiện nay 02 con chung là trẻ Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 28/01/2015 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 11/4/2017 đang sống chung với ông Nguyễn Trường A. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc Tòa án phải xem xét nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên khi xem xét việc giải quyết về con chung. Tuy nhiên, bà T không có trAh chấp về con chung, bà thống nhất giao con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con nhằm mục đích ổn định việc học tập và tâm lý cho các con. Đồng thời Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ về việc yêu cầu các đương sự dẫn theo con đến Tòa để ghi nhận nguyện vọng của trẻ nhưng không thực hiện được.

Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy, để ổn định việc học tập cũng như tâm lý của trẻ chưa thành niên, việc giao con cho ông A nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hiện tại của trẻ. Toà án đã tống đạt hợp lệ cho ông A Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó nêu rõ nội dung bà T yêu cầu ông A trực tiếp nuôi dưỡng con chung .Tuy nhiên ông A không đến Toà án để làm việc và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu trên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án, bà T trình bày không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bà T có nguyện vọng được cấp dưỡng cho các con chung mỗi trẻ 1.000.000 đồng/tháng, 02 trẻ là 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của bà T là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi con.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng và bà T cấp dưỡng cho mỗi trẻ 1.000.000 đồng/tháng, 02 trẻ là 2.000.000 đồng/tháng.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Khưu Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trường A. Giao 02 con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 1.000.000 đồng/tháng. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Bà Khưu Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khưu Thị T.

1.1 Về quA hệ hôn nhân: Bà Khưu Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trường A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 191/2014 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 06/10/2014 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 28/01/2015 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 11/4/2017 cho ông Nguyễn Trường A trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng vào ngày 01 dương lịch, bà Khưu Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 1.000.000 đồng/tháng, 02 trẻ là 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/10/2025 cho đến khi phát sinh các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp, bà Khưu Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bà T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thực hiện tại thời điểm thAh toán.

Bà Khưu Thị T có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Bà Khưu Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0042952 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAD TP.HCM;
- VKSND KV10, Tp.HCM;
- Phòng THA DS KV10, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).

2 000015 329200

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết